

**DANH SÁCH 698 CĂN HỘ KHU CHUNG CƯ ST5 - PHÂN KHU C THUỘC DỰ ÁN KHU ĐÔ THỊ MỚI VÀM CỎ ĐÔNG
SOUTHGATE XÃ BẾN LÚC, TỈNH TÂY NINH ĐỦ ĐIỀU KIỆN ĐỂ BÁN NHÀ Ở HÌNH THÀNH TRONG TƯƠNG LAI**
(Đính kèm văn bản số/SXD-NBĐS ngày/...../2025 của Sở Xây dựng)

STT	TÒA THÁP	TẦNG	TỔNG SỐ CĂN HỘ CỦA 1 TẦNG	MÃ CĂN HỘ TKCS	DIỆN TÍCH TÌM TƯỜNG (m2)	DIỆN TÍCH SÀN SỬ DỤNG CĂN HỘ (THÔNG THỦY) (m2)
1	A	Tầng 1	05 căn hộ	A.01.01	63,55	59,92
2				A.01.02	65,91	62,26
3				A.01.03	85,7	80,52
4				A.01.04	107,58	101,82
5				A.01.05	77,67	72,51
6			14 căn hộ hỗn hợp (ở kết hợp thương mại dịch vụ) khối đế 02 tầng	A.01.06	167,01	158,7
7				A.01.07	132,56	124,71
8				A.01.08	132,56	124,71
9				A.01.09	132,56	124,71
10				A.01.10	132,56	124,71
11				A.01.11	135,37	127,22
12				A.01.12	157,9	149,26
13				A.01.13	132,56	124,71
14				A.01.14	132,56	124,71
15				A.01.15	132,56	124,71
16				A.01.16	132,56	124,71
17				A.01.17	132,56	124,71
18				A.01.18	132,56	124,71
19				A.01.19	135,37	127,22
20	A	Tầng 2	18 căn hộ	A.02.01	63,58	59,87
21				A.02.02	42,48	39,72
22				A.02.03	42,48	39,52
23				A.02.04	63,58	59,93
24				A.02.05	63,59	59,83
25				A.02.06	31,35	28,86
26				A.02.07	31,18	28,88
27				A.02.08	42,62	39,67
28				A.02.09	31,35	28,95
29				A.02.10	31,35	28,95
30				A.02.11	31,35	28,95
31				A.02.12	31,35	28,95
32				A.02.13	31,35	28,95
33				A.02.14	63,58	59,91
34				A.02.15	63,55	60,01
35				A.02.16	42,48	39,52
36				A.02.17	42,48	39,72
37				A.02.18	31,23	28,9
38	A	Tầng 3	18 căn hộ	A.03.01	77,65	73,05
39				A.03.02	49,25	46
40				A.03.03	49,25	45,81
41				A.03.04	77,46	73,05
42				A.03.05	77,44	73,05
43				A.03.06	38,97	35,82
44				A.03.07	38,78	35,76
45				A.03.08	49,46	46,03
46				A.03.09	38,93	35,83
47				A.03.10	38,93	35,83
48				A.03.11	38,94	35,84
49				A.03.12	38,94	35,84
50				A.03.13	38,94	35,83
51				A.03.14	77,63	73,04
52				A.03.15	77,44	73,03
53				A.03.16	49,26	45,81
54				A.03.17	49,26	46,01
55				A.03.18	38,87	35,96

STT	TÒA THÁP	TẦNG	TỔNG SỐ CĂN HỘ CỦA 1 TẦNG	MÃ CĂN HỘ TKCS	DIỆN TÍCH TÌM TƯỜNG (m2)	DIỆN TÍCH SÀN SỬ DỤNG CĂN HỘ (THÔNG THỦY) (m2)
56	A	Tầng 4	18 căn hộ	A.04.01	74,59	70,57
57				A.04.02	49,3	46,02
58				A.04.03	49,3	45,84
59				A.04.04	74,59	70,58
60				A.04.05	74,55	70,45
61				A.04.06	38,94	35,82
62				A.04.07	38,76	35,79
63				A.04.08	49,46	46,07
64				A.04.09	38,94	35,84
65				A.04.10	38,94	35,84
66				A.04.11	38,94	35,83
67				A.04.12	38,94	35,83
68				A.04.13	38,94	35,82
69				A.04.14	74,53	70,47
70				A.04.15	74,53	70,51
71				A.04.16	49,26	45,81
72				A.04.17	49,26	46,01
73				A.04.18	38,87	35,97
74	A	Tầng 5	18 căn hộ	A.05.01	77,65	73,05
75				A.05.02	49,25	46
76				A.05.03	49,25	45,81
77				A.05.04	77,46	73,05
78				A.05.05	77,44	73,05
79				A.05.06	38,97	35,82
80				A.05.07	38,78	35,76
81				A.05.08	49,46	46,03
82				A.05.09	38,93	35,83
83				A.05.10	38,93	35,83
84				A.05.11	38,94	35,84
85				A.05.12	38,94	35,84
86				A.05.13	38,94	35,83
87				A.05.14	77,63	73,04
88				A.05.15	77,44	73,03
89				A.05.16	49,26	45,81
90				A.05.17	49,26	46,01
91				A.05.18	38,87	35,96
92	A	Tầng 6	18 căn hộ	A.06.01	74,59	70,57
93				A.06.02	49,3	46,02
94				A.06.03	49,3	45,84
95				A.06.04	74,59	70,58
96				A.06.05	74,55	70,45
97				A.06.06	38,94	35,82
98				A.06.07	38,76	35,79
99				A.06.08	49,46	46,07
100				A.06.09	38,94	35,84
101				A.06.10	38,94	35,84
102				A.06.11	38,94	35,83
103				A.06.12	38,94	35,83
104				A.06.13	38,94	35,82
105				A.06.14	74,53	70,47
106				A.06.15	74,53	70,51
107				A.06.16	49,26	45,81
108				A.06.17	49,26	46,01
109				A.06.18	38,87	35,97

STT	TÒA THÁP	TẦNG	TỔNG SỐ CĂN HỘ CỦA 1 TẦNG	MÃ CĂN HỘ TKCS	DIỆN TÍCH TÌM TUỒNG (m2)	DIỆN TÍCH SÀN SỬ DỤNG CĂN HỘ (THÔNG THỦY) (m2)
110	A	Tầng 7	18 căn hộ	A.07.01	77,65	73,05
111				A.07.02	49,25	46
112				A.07.03	49,25	45,81
113				A.07.04	77,46	73,05
114				A.07.05	77,44	73,05
115				A.07.06	38,97	35,82
116				A.07.07	38,78	35,76
117				A.07.08	49,46	46,03
118				A.07.09	38,93	35,83
119				A.07.10	38,93	35,83
120				A.07.11	38,94	35,84
121				A.07.12	38,94	35,84
122				A.07.13	38,94	35,83
123				A.07.14	77,63	73,04
124				A.07.15	77,44	73,03
125				A.07.16	49,26	45,81
126				A.07.17	49,26	46,01
127				A.07.18	38,87	35,96
128	A	Tầng 8	8 căn hộ	A.08.01	83,36	79,42
129				A.08.02	83,45	79,48
130				A.08.03	105,48	100,47
131				A.08.04	76,61	72,56
132				A.08.05	75,18	70,93
133				A.08.06	73,41	70,31
134				A.08.07	83,54	79,44
135				A.08.08	74,61	70,48
A			135 căn		8.455,71	7.921,62
136	B	Tầng 1	17 căn hộ hỗn hợp (ở kết hợp thương mại dịch vụ) khối đế 02 tầng	B.01.01	135,37	127,22
137				B.01.02	132,56	124,71
138				B.01.03	132,56	124,71
139				B.01.04	132,56	124,71
140				B.01.05	132,56	124,71
141				B.01.06	132,56	124,71
142				B.01.07	135,37	127,22
143				B.01.08	135,37	127,22
144				B.01.09	132,56	124,71
145				B.01.10	132,56	124,71
146				B.01.11	132,56	124,71
147				B.01.12	132,56	124,71
148				B.01.13	132,56	124,71
149				B.01.14	132,56	124,71
150				B.01.15	132,56	124,71
151				B.01.16	132,56	124,71
152				B.01.17	135,37	127,22
153	B	Tầng 2	14 căn hộ	B.02.01	63,58	59,8
154				B.02.02	42,44	39,53
155				B.02.03	42,44	39,28
156				B.02.04	63,59	59,88
157				B.02.05	63,59	59,88
158				B.02.06	42,44	39,49
159				B.02.07	31,35	28,97
160				B.02.08	63,59	59,79
161				B.02.09	42,44	39,55
162				B.02.10	42,44	39,51
163				B.02.11	63,58	59,76
164				B.02.12	63,58	60,29
165				B.02.13	42,44	39,36
166				B.02.14	31,35	28,91

STT	TÒA THÁP	TẦNG	TỔNG SỐ CĂN HỘ CỦA 1 TẦNG	MÃ CĂN HỘ TKCS	DIỆN TÍCH TÌM TƯỜNG (m2)	DIỆN TÍCH SÀN SỬ DỤNG CĂN HỘ (THÔNG THỦY) (m2)
167	B	Tầng 3	14 căn hộ	B.03.01	77,25	72,9
168				B.03.02	49,26	45,9
169				B.03.03	49,22	45,73
170				B.03.04	77,29	72,89
171				B.03.05	77,28	72,9
172				B.03.06	49,27	45,97
173				B.03.07	39,03	35,96
174				B.03.08	77,25	72,8
175				B.03.09	49,26	45,99
176				B.03.10	49,22	45,92
177				B.03.11	77,29	72,9
178				B.03.12	77,28	72,9
179				B.03.13	49,27	45,73
180				B.03.14	39,03	35,88
181	B	Tầng 4	14 căn hộ	B.04.01	74,46	70,15
182				B.04.02	49,26	45,9
183				B.04.03	49,22	45,73
184				B.04.04	74,52	70,24
185				B.04.05	74,5	70,28
186				B.04.06	49,27	46,06
187				B.04.07	39,03	35,96
188				B.04.08	74,46	70,19
189				B.04.09	49,26	45,92
190				B.04.10	49,22	45,92
191				B.04.11	74,52	70,21
192				B.04.12	74,38	70,23
193				B.04.13	49,27	45,73
194				B.04.14	39,03	35,88
195	B	Tầng 5	14 căn hộ	B.05.01	77,25	72,9
196				B.05.02	49,26	45,9
197				B.05.03	49,22	45,73
198				B.05.04	77,29	72,89
199				B.05.05	77,28	72,9
200				B.05.06	49,27	45,97
201				B.05.07	39,03	35,96
202				B.05.08	77,25	72,8
203				B.05.09	49,26	45,99
204				B.05.10	49,22	45,92
205				B.05.11	77,29	72,9
206				B.05.12	77,28	72,9
207				B.05.13	49,27	45,73
208				B.05.14	39,03	35,88
209	B	Tầng 6	14 căn hộ	B.06.01	74,46	70,15
210				B.06.02	49,26	45,9
211				B.06.03	49,22	45,73
212				B.06.04	74,52	70,24
213				B.06.05	74,5	70,28
214				B.06.06	49,27	46,06
215				B.06.07	39,03	35,96
216				B.06.08	74,46	70,19
217				B.06.09	49,26	45,92
218				B.06.10	49,22	45,92
219				B.06.11	74,52	70,21
220				B.06.12	74,38	70,23
221				B.06.13	49,27	45,73
222				B.06.14	39,03	35,88

STT	TÒA THÁP	TẦNG	TỔNG SỐ CĂN HỘ CỦA 1 TẦNG	MÃ CĂN HỘ TKCS	DIỆN TÍCH TÌM TUỜNG (m2)	DIỆN TÍCH SÀN SỬ DỤNG CĂN HỘ (THÔNG THỦY) (m2)
223	B	Tầng 7	14 căn hộ	B.07.01	77,25	72,9
224				B.07.02	49,26	45,9
225				B.07.03	49,22	45,73
226				B.07.04	77,29	72,89
227				B.07.05	77,28	72,9
228				B.07.06	49,27	45,97
229				B.07.07	39,03	35,96
230				B.07.08	77,25	72,8
231				B.07.09	49,26	45,99
232				B.07.10	49,22	45,92
233				B.07.11	77,29	72,9
234				B.07.12	77,28	72,9
235				B.07.13	49,27	45,73
236				B.07.14	39,03	35,88
237	B	Tầng 8	14 căn hộ	B.08.01	74,46	70,15
238				B.08.02	49,26	45,9
239				B.08.03	49,22	45,73
240				B.08.04	74,52	70,24
241				B.08.05	74,5	70,28
242				B.08.06	49,27	46,06
243				B.08.07	39,03	35,96
244				B.08.08	74,46	70,19
245				B.08.09	49,26	45,92
246				B.08.10	49,22	45,92
247				B.08.11	74,52	70,21
248				B.08.12	74,38	70,23
249				B.08.13	49,27	45,73
250				B.08.14	39,03	35,88
251	B	Tầng 9	14 căn hộ	B.09.01	77,25	72,9
252				B.09.02	49,26	45,9
253				B.09.03	49,22	45,73
254				B.09.04	77,29	72,89
255				B.09.05	77,28	72,9
256				B.09.06	49,27	45,97
257				B.09.07	39,03	35,96
258				B.09.08	77,25	72,8
259				B.09.09	49,26	45,99
260				B.09.10	49,22	45,92
261				B.09.11	77,29	72,9
262				B.09.12	77,28	72,9
263				B.09.13	49,27	45,73
264				B.09.14	39,03	35,88
265	B	Tầng 10	14 căn hộ	B.10.01	74,46	70,15
266				B.10.02	49,26	45,9
267				B.10.03	49,22	45,73
268				B.10.04	74,52	70,24
269				B.10.05	74,5	70,28
270				B.10.06	49,27	46,06
271				B.10.07	39,03	35,96
272				B.10.08	74,46	70,19
273				B.10.09	49,26	45,92
274				B.10.10	49,22	45,92
275				B.10.11	74,52	70,21
276				B.10.12	74,38	70,23
277				B.10.13	49,27	45,73
278				B.10.14	39,03	35,88

STT	TÒA THÁP	TẦNG	TỔNG SỐ CĂN HỘ CỦA 1 TẦNG	MÃ CĂN HỘ TKCS	DIỆN TÍCH TÌM TƯỜNG (m2)	DIỆN TÍCH SÀN SỬ DỤNG CĂN HỘ (THÔNG THỦY) (m2)
279	B	Tầng 11	14 căn hộ	B.11.01	77,25	72,9
280				B.11.02	49,26	45,9
281				B.11.03	49,22	45,73
282				B.11.04	77,29	72,89
283				B.11.05	77,28	72,9
284				B.11.06	49,27	45,97
285				B.11.07	39,03	35,96
286				B.11.08	77,25	72,8
287				B.11.09	49,26	45,99
288				B.11.10	49,22	45,92
289				B.11.11	77,29	72,9
290				B.11.12	77,28	72,9
291				B.11.13	49,27	45,73
292				B.11.14	39,03	35,88
293	B	Tầng 12	14 căn hộ	B.12.01	74,46	70,15
294				B.12.02	49,26	45,9
295				B.12.03	49,22	45,73
296				B.12.04	74,52	70,24
297				B.12.05	74,5	70,28
298				B.12.06	49,27	46,06
299				B.12.07	39,03	35,96
300				B.12.08	74,46	70,19
301				B.12.09	49,26	45,92
302				B.12.10	49,22	45,92
303				B.12.11	74,52	70,21
304				B.12.12	74,38	70,23
305				B.12.13	49,27	45,73
306				B.12.14	39,03	35,88
307	B	Tầng 13	14 căn hộ	B.13.01	77,25	72,9
308				B.13.02	49,26	45,9
309				B.13.03	49,22	45,73
310				B.13.04	77,29	72,89
311				B.13.05	77,28	72,9
312				B.13.06	49,27	45,97
313				B.13.07	39,03	35,96
314				B.13.08	77,25	72,8
315				B.13.09	49,26	45,99
316				B.13.10	49,22	45,92
317				B.13.11	77,29	72,9
318				B.13.12	77,28	72,9
319				B.13.13	49,27	45,73
320				B.13.14	39,03	35,88
321	B	Tầng 14	14 căn hộ	B.14.01	74,46	70,15
322				B.14.02	49,26	45,9
323				B.14.03	49,22	45,73
324				B.14.04	74,52	70,24
325				B.14.05	74,5	70,28
326				B.14.06	49,27	46,06
327				B.14.07	39,03	35,96
328				B.14.08	74,46	70,19
329				B.14.09	49,26	45,92
330				B.14.10	49,22	45,92
331				B.14.11	74,52	70,21
332				B.14.12	74,38	70,23
333				B.14.13	49,27	45,73
334				B.14.14	39,03	35,88

STT	TÒA THÁP	TẦNG	TỔNG SỐ CĂN HỘ CỦA 1 TẦNG	MÃ CĂN HỘ TKCS	DIỆN TÍCH TÌM TƯỜNG (m2)	DIỆN TÍCH SÀN SỬ DỤNG CĂN HỘ (THÔNG THỦY) (m2)
335	B	Tầng 15	14 căn hộ	B.15.01	77,25	72,9
336				B.15.02	49,26	45,9
337				B.15.03	49,22	45,73
338				B.15.04	77,29	72,89
339				B.15.05	77,28	72,9
340				B.15.06	49,27	45,97
341				B.15.07	39,03	35,96
342				B.15.08	77,25	72,8
343				B.15.09	49,26	45,99
344				B.15.10	49,22	45,92
345				B.15.11	77,29	72,9
346				B.15.12	77,28	72,9
347				B.15.13	49,27	45,73
348				B.15.14	39,03	35,88
349	B	Tầng 16	14 căn hộ	B.16.01	74,46	70,15
350				B.16.02	49,26	45,9
351				B.16.03	49,22	45,73
352				B.16.04	74,52	70,24
353				B.16.05	74,5	70,28
354				B.16.06	49,27	46,06
355				B.16.07	39,03	35,96
356				B.16.08	74,46	70,19
357				B.16.09	49,26	45,92
358				B.16.10	49,22	45,92
359				B.16.11	74,52	70,21
360				B.16.12	74,38	70,23
361				B.16.13	49,27	45,73
362				B.16.14	39,03	35,88
363	B	Tầng 17	5 căn hộ	B.17.01	83,02	78,48
364				B.17.02	115,08	109,24
365				B.17.03	83,02	78,51
366				B.17.04	83,03	78,55
367				B.17.05	115,09	108,96
B			232 căn		15.046,05	14.107,24
368	C	Tầng 1	16 căn hộ hỗn hợp (ở kết hợp thương mại dịch vụ) khối đế 02 tầng	C.01.01	135,37	127,22
369				C.01.02	132,56	124,71
370				C.01.03	132,56	124,71
371				C.01.04	132,56	124,71
372				C.01.05	132,56	124,71
373				C.01.06	132,56	124,71
374				C.01.07	132,56	124,71
375				C.01.08	135,37	127,22
376				C.01.09	135,37	127,22
377				C.01.10	132,56	124,71
378				C.01.11	132,56	124,71
379				C.01.12	132,56	124,71
380				C.01.13	132,56	124,71
381				C.01.14	132,56	124,71
382				C.01.15	132,56	124,71
383				C.01.16	135,37	127,22
384	C	Tầng 2	14 căn hộ	C.02.01	31,35	28,97
385				C.02.02	42,44	39,49
386				C.02.03	63,59	59,88
387				C.02.04	63,59	59,88
388				C.02.05	42,44	39,28
389				C.02.06	42,44	39,53
390				C.02.07	63,58	59,8
391				C.02.08	31,35	28,91
392				C.02.09	42,44	39,36
393				C.02.10	63,58	60,29

STT	TÒA THÁP	TÀNG	TỔNG SỐ CĂN HỘ CỦA 1 TẦNG	MÃ CĂN HỘ TKCS	DIỆN TÍCH TÌM TƯỜNG (m2)	DIỆN TÍCH SÀN SỬ DỤNG CĂN HỘ (THÔNG THỦY) (m2)
394				C.02.11	63,58	59,76
395				C.02.12	42,44	39,51
396				C.02.13	42,44	39,55
397				C.02.14	63,59	59,79

STT	TÒA THÁP	TẦNG	TỔNG SỐ CĂN HỘ CỦA 1 TẦNG	MÃ CĂN HỘ TKCS	DIỆN TÍCH TÌM TUỜNG (m2)	DIỆN TÍCH SÀN SỬ DỤNG CĂN HỘ (THÔNG THỦY) (m2)
398	C	Tầng 3	14 căn hộ	C.03.01	39,03	35,96
399				C.03.02	49,27	45,97
400				C.03.03	77,28	72,9
401				C.03.04	77,29	72,89
402				C.03.05	49,22	45,73
403				C.03.06	49,26	45,9
404				C.03.07	77,25	72,9
405				C.03.08	39,03	35,88
406				C.03.09	49,27	45,73
407				C.03.10	77,28	72,9
408				C.03.11	77,29	72,9
409				C.03.12	49,22	45,92
410				C.03.13	49,26	45,99
411				C.03.14	77,25	72,8
412	C	Tầng 4	14 căn hộ	C.04.01	39,03	35,96
413				C.04.02	49,27	46,06
414				C.04.03	74,5	70,28
415				C.04.04	74,52	70,24
416				C.04.05	49,22	45,73
417				C.04.06	49,26	45,9
418				C.04.07	74,46	70,15
419				C.04.08	39,03	35,88
420				C.04.09	49,27	45,73
421				C.04.10	74,38	70,23
422				C.04.11	74,52	70,21
423				C.04.12	49,22	45,92
424				C.04.13	49,26	45,92
425				C.04.14	74,46	70,19
426	C	Tầng 5	14 căn hộ	C.05.01	39,03	35,96
427				C.05.02	49,27	45,97
428				C.05.03	77,28	72,9
429				C.05.04	77,29	72,89
430				C.05.05	49,22	45,73
431				C.05.06	49,26	45,9
432				C.05.07	77,25	72,9
433				C.05.08	39,03	35,88
434				C.05.09	49,27	45,73
435				C.05.10	77,28	72,9
436				C.05.11	77,29	72,9
437				C.05.12	49,22	45,92
438				C.05.13	49,26	45,99
439				C.05.14	77,25	72,8
440	C	Tầng 6	14 căn hộ	C.06.01	39,03	35,96
441				C.06.02	49,27	46,06
442				C.06.03	74,5	70,28
443				C.06.04	74,52	70,24
444				C.06.05	49,22	45,73
445				C.06.06	49,26	45,9
446				C.06.07	74,46	70,15
447				C.06.08	39,03	35,88
448				C.06.09	49,27	45,73
449				C.06.10	74,38	70,23
450				C.06.11	74,52	70,21
451				C.06.12	49,22	45,92
452				C.06.13	49,26	45,92
453				C.06.14	74,46	70,19

STT	TÒA THÁP	TẦNG	TỔNG SỐ CĂN HỘ CỦA 1 TẦNG	MÃ CĂN HỘ TKCS	DIỆN TÍCH TÌM TƯỜNG (m2)	DIỆN TÍCH SÀN SỬ DỤNG CĂN HỘ (THÔNG THỦY) (m2)
454	C	Tầng 7	14 căn hộ	C.07.01	39,03	35,96
455				C.07.02	49,27	45,97
456				C.07.03	77,28	72,9
457				C.07.04	77,29	72,89
458				C.07.05	49,22	45,73
459				C.07.06	49,26	45,9
460				C.07.07	77,25	72,9
461				C.07.08	39,03	35,88
462				C.07.09	49,27	45,73
463				C.07.10	77,28	72,9
464				C.07.11	77,29	72,9
465				C.07.12	49,22	45,92
466				C.07.13	49,26	45,99
467				C.07.14	77,25	72,8
468	C	Tầng 8	14 căn hộ	C.08.01	39,03	35,96
469				C.08.02	49,27	46,06
470				C.08.03	74,5	70,28
471				C.08.04	74,52	70,24
472				C.08.05	49,22	45,73
473				C.08.06	49,26	45,9
474				C.08.07	74,46	70,15
475				C.08.08	39,03	35,88
476				C.08.09	49,27	45,73
477				C.08.10	74,38	70,23
478				C.08.11	74,52	70,21
479				C.08.12	49,22	45,92
480				C.08.13	49,26	45,92
481				C.08.14	74,46	70,19
482	C	Tầng 9	14 căn hộ	C.09.01	39,03	35,96
483				C.09.02	49,27	45,97
484				C.09.03	77,28	72,9
485				C.09.04	77,29	72,89
486				C.09.05	49,22	45,73
487				C.09.06	49,26	45,9
488				C.09.07	77,25	72,9
489				C.09.08	39,03	35,88
490				C.09.09	49,27	45,73
491				C.09.10	77,28	72,9
492				C.09.11	77,29	72,9
493				C.09.12	49,22	45,92
494				C.09.13	49,26	45,99
495				C.09.14	77,25	72,8
496	C	Tầng 10	14 căn hộ	C.10.01	39,03	35,96
497				C.10.02	49,27	46,06
498				C.10.03	74,5	70,28
499				C.10.04	74,52	70,24
500				C.10.05	49,22	45,73
501				C.10.06	49,26	45,9
502				C.10.07	74,46	70,15
503				C.10.08	39,03	35,88
504				C.10.09	49,27	45,73
505				C.10.10	74,38	70,23
506				C.10.11	74,52	70,21
507				C.10.12	49,22	45,92
508				C.10.13	49,26	45,92
509				C.10.14	74,46	70,19

STT	TÒA THÁP	TẦNG	TỔNG SỐ CĂN HỘ CỦA 1 TẦNG	MÃ CĂN HỘ TKCS	DIỆN TÍCH TÌM TƯỜNG (m2)	DIỆN TÍCH SÀN SỬ DỤNG CĂN HỘ (THÔNG THỦY) (m2)
510	C	Tầng 11	14 căn hộ	C.11.01	39,03	35,96
511				C.11.02	49,27	45,97
512				C.11.03	77,28	72,9
513				C.11.04	77,29	72,89
514				C.11.05	49,22	45,73
515				C.11.06	49,26	45,9
516				C.11.07	77,25	72,9
517				C.11.08	39,03	35,88
518				C.11.09	49,27	45,73
519				C.11.10	77,28	72,9
520				C.11.11	77,29	72,9
521				C.11.12	49,22	45,92
522				C.11.13	49,26	45,99
523				C.11.14	77,25	72,8
524	C	Tầng 12	14 căn hộ	C.12.01	39,03	35,96
525				C.12.02	49,27	46,06
526				C.12.03	74,5	70,28
527				C.12.04	74,52	70,24
528				C.12.05	49,22	45,73
529				C.12.06	49,26	45,9
530				C.12.07	74,46	70,15
531				C.12.08	39,03	35,88
532				C.12.09	49,27	45,73
533				C.12.10	74,38	70,23
534				C.12.11	74,52	70,21
535				C.12.12	49,22	45,92
536				C.12.13	49,26	45,92
537				C.12.14	74,46	70,19
538	C	Tầng 13	14 căn hộ	C.13.01	39,03	35,96
539				C.13.02	49,27	45,97
540				C.13.03	77,28	72,9
541				C.13.04	77,29	72,89
542				C.13.05	49,22	45,73
543				C.13.06	49,26	45,9
544				C.13.07	77,25	72,9
545				C.13.08	39,03	35,88
546				C.13.09	49,27	45,73
547				C.13.10	77,28	72,9
548				C.13.11	77,29	72,9
549				C.13.12	49,22	45,92
550				C.13.13	49,26	45,99
551				C.13.14	77,25	72,8
552	C	Tầng 14	6 căn hộ	C.14.01	115,05	109,1
553				C.14.02	82,98	78,36
554				C.14.03	82,98	78,36
555				C.14.04	115,12	108,94
556				C.14.05	83,06	78,55
557				C.14.06	82,99	78,51
C			190 căn		12.518,43	11.739,44

STT	TÒA THÁP	TẦNG	TỔNG SỐ CĂN HỘ CỦA 1 TẦNG	MÃ CĂN HỘ TKCS	DIỆN TÍCH TÌM TUỒNG (m2)	DIỆN TÍCH SÀN SỬ DỤNG CĂN HỘ (THÔNG THỦY) (m2)
558	D	Tầng 1	06 căn hộ	D.01.01	85,7	80,52
559				D.01.02	65,91	62,26
560				D.01.03	63,55	59,92
561				D.01.04	55,34	51,25
562				D.01.05	66,36	62,51
563				D.01.06	63,52	59,9
564			19 căn hộ hỗn hợp (ở kết hợp thương mại dịch vụ) khối đế 02 tầng	D.01.07	135,37	127,22
565				D.01.08	132,56	124,71
566				D.01.09	132,56	124,71
567				D.01.10	132,56	124,71
568				D.01.11	132,56	124,71
569				D.01.12	132,56	124,71
570				D.01.13	132,56	124,71
571				D.01.14	132,56	124,71
572				D.01.15	157,9	149,26
573				D.01.16	178,93	169,61
574				D.01.17	150,5	142,05
575				D.01.18	150,5	142,05
576				D.01.19	153,31	144,56
577				D.01.20	153,31	144,56
578				D.01.21	150,5	142,05
579				D.01.22	150,5	142,05
580				D.01.23	150,5	142,05
581				D.01.24	150,5	142,05
582				D.01.25	178,93	169,61
583	D	Tầng 2	18 căn hộ	D.02.01	31,18	28,88
584				D.02.02	31,35	28,86
585				D.02.03	63,59	59,83
586				D.02.04	63,58	59,93
587				D.02.05	42,48	39,52
588				D.02.06	42,48	39,72
589				D.02.07	63,58	59,87
590				D.02.08	31,23	28,9
591				D.02.09	42,48	39,72
592				D.02.10	42,48	39,52
593				D.02.11	63,55	60,01
594				D.02.12	63,58	59,91
595				D.02.13	31,35	28,95
596				D.02.14	31,35	28,95
597				D.02.15	31,35	28,95
598				D.02.16	31,35	28,95
599				D.02.17	31,35	28,95
600				D.02.18	42,62	39,67
601	D	Tầng 3	18 căn hộ	D.03.01	38,78	35,76
602				D.03.02	38,97	35,82
603				D.03.03	77,44	73,05
604				D.03.04	77,46	73,05
605				D.03.05	49,25	45,81
606				D.03.06	49,25	46
607				D.03.07	77,65	73,05
608				D.03.08	38,87	35,96
609				D.03.09	49,26	46,01
610				D.03.10	49,26	45,81
611				D.03.11	77,44	73,03
612				D.03.12	77,63	73,04
613				D.03.13	38,94	35,83
614				D.03.14	38,94	35,84
615				D.03.15	38,94	35,84
616				D.03.16	38,93	35,83
617				D.03.17	38,93	35,83

STT	TÒA THÁP	TÀNG	TỔNG SỐ CĂN HỘ CỦA 1 TẦNG	MÃ CĂN HỘ TKCS	DIỆN TÍCH TİM TƯỜNG (m2)	DIỆN TÍCH SÀN SỬ DỤNG CĂN HỘ (THÔNG THỦY) (m2)
618				D.03.18	49,46	46,03

STT	TÒA THÁP	TẦNG	TỔNG SỐ CĂN HỘ CỦA 1 TẦNG	MÃ CĂN HỘ TKCS	DIỆN TÍCH TÌM TƯỜNG (m2)	DIỆN TÍCH SÀN SỬ DỤNG CĂN HỘ (THÔNG THỦY) (m2)
619	D	Tầng 4	18 căn hộ	D.04.01	38,76	35,79
620				D.04.02	38,94	35,82
621				D.04.03	74,55	70,45
622				D.04.04	74,59	70,58
623				D.04.05	49,3	45,84
624				D.04.06	49,3	46,02
625				D.04.07	74,59	70,57
626				D.04.08	38,87	35,97
627				D.04.09	49,26	46,01
628				D.04.10	49,26	45,81
629				D.04.11	74,53	70,51
630				D.04.12	74,53	70,47
631				D.04.13	38,94	35,82
632				D.04.14	38,94	35,83
633				D.04.15	38,94	35,83
634				D.04.16	38,94	35,84
635				D.04.17	38,94	35,84
636				D.04.18	49,46	46,07
637	D	Tầng 5	18 căn hộ	D.05.01	38,78	35,76
638				D.05.02	38,97	35,82
639				D.05.03	77,44	73,05
640				D.05.04	77,46	73,05
641				D.05.05	49,25	45,81
642				D.05.06	49,25	46
643				D.05.07	77,65	73,05
644				D.05.08	38,87	35,96
645				D.05.09	49,26	46,01
646				D.05.10	49,26	45,81
647				D.05.11	77,44	73,03
648				D.05.12	77,63	73,04
649				D.05.13	38,94	35,83
650				D.05.14	38,94	35,84
651				D.05.15	38,94	35,84
652				D.05.16	38,93	35,83
653				D.05.17	38,93	35,83
654				D.05.18	49,46	46,03
655	D	Tầng 6	18 căn hộ	D.06.01	38,76	35,79
656				D.06.02	38,94	35,82
657				D.06.03	74,55	70,45
658				D.06.04	74,59	70,58
659				D.06.05	49,3	45,84
660				D.06.06	49,3	46,02
661				D.06.07	74,59	70,57
662				D.06.08	38,87	35,97
663				D.06.09	49,26	46,01
664				D.06.10	49,26	45,81
665				D.06.11	74,53	70,51
666				D.06.12	74,53	70,47
667				D.06.13	38,94	35,82
668				D.06.14	38,94	35,83
669				D.06.15	38,94	35,83
670				D.06.16	38,94	35,84
671				D.06.17	38,94	35,84
672				D.06.18	49,46	46,07

STT	TÒA THÁP	TÀNG	TỔNG SỐ CĂN HỘ CỦA 1 TẦNG	MÃ CĂN HỘ TKCS	DIỆN TÍCH TÌM TƯỜNG (m2)	DIỆN TÍCH SÀN SỬ DỤNG CĂN HỘ (THÔNG THỦY) (m2)
673	D	Tầng 7	18 căn hộ	D.07.01	38,78	35,76
674				D.07.02	38,97	35,82
675				D.07.03	77,44	73,05
676				D.07.04	77,46	73,05
677				D.07.05	49,25	45,81
678				D.07.06	49,25	46
679				D.07.07	77,65	73,05
680				D.07.08	38,87	35,96
681				D.07.09	49,26	46,01
682				D.07.10	49,26	45,81
683				D.07.11	77,44	73,03
684				D.07.12	77,63	73,04
685				D.07.13	38,94	35,83
686				D.07.14	38,94	35,84
687				D.07.15	38,94	35,84
688				D.07.16	38,93	35,83
689				D.07.17	38,93	35,83
690				D.07.18	49,46	46,03
691	D	Tầng 8	8 căn hộ	D.08.01	105,48	100,47
692				D.08.02	83,45	79,48
693				D.08.03	83,36	79,42
694				D.08.04	74,61	70,48
695				D.08.05	83,54	79,44
696				D.08.06	73,41	70,31
697				D.08.07	75,18	70,93
698				D.08.08	76,61	72,56
D			141 căn		9.323,10	8.741,54
TỔNG			698 căn		45.343,29	42.509,84